

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đối tượng, tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng, điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Quyết định 179/2002/QĐ-TTg ngày 16/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 11/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, Khóa VIII, kỳ họp thứ 4 Quy định đối tượng, tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng, điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ngoài các đối tượng đã được quy định tại Quyết định 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 101/TTr-STC ngày 17/5/2012 và Công văn số 1198/STC-TCHCSN ngày 17/8/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng, điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 733/2001/QĐ-UBND ngày 08/10/2001 và Quyết định số 263/2003/QĐ-UBND ngày 28/3/2003 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung mục 3, phần II Quyết định số 733/2001/QĐ-UBND ngày 08/10/2001 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng, điện thoại di

động đối với cán bộ lãnh đạo và điện thoại cố định tại trụ sở làm việc trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội.

Thời gian áp dụng chế độ chi theo Quyết định này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2012.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp có liên quan, Thủ trưởng các Hội đặc thù được quy định tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 27/6/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT.TU, TT.UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP+CVK;
- Lưu: VT.VPUBND tỉnh.

S 120b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K.T. CHỦ TỊCH *lu*
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Lưu Quang

QUY ĐỊNH

Về đối tượng, tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng, điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Kèm theo Quyết định số 39 /2012/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bản quy định này quy định đối tượng, tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng, điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo được quy định cho các đối tượng sử dụng kinh phí từ ngân sách địa phương và các nguồn thu được để lại cơ quan, đơn vị có tính chất từ ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước (bao gồm cấp tỉnh, cấp huyện);
2. Các đơn vị sự nghiệp công lập;
3. Các cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam;
4. Tổ chức chính trị - xã hội;
5. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp;
6. Tổ chức xã hội;
7. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

(Các đơn vị nêu trên đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị)

**Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Đối tượng, tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại di động

1. Về đối tượng sử dụng điện thoại di động
 - a) Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.
 - b) Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
 - c) Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.
 - d) Chánh, Phó Văn phòng Tỉnh ủy; Chánh, Phó Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh, Phó Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Cấp Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Cấp Trưởng các cơ quan Đảng thuộc tỉnh ủy (không phải Thường vụ Tỉnh ủy) và cấp Phó có hệ số phụ cấp chức vụ là 0,7; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và 05 Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Giám đốc các sở và Thủ trưởng các ban, ngành-tương đương cấp tỉnh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 trở lên; Bí thư, Phó Bí thư huyện ủy, thị ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã.

e) Phó Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và 05 Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Phó Bí thư và Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan Tỉnh và Đảng ủy Khối doanh nghiệp; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Cấp phó của các sở, ban, ngành tương đương cấp tỉnh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên; Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, thị xã; Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã; Ủy viên Ban Thường vụ huyện, thị xã; Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thị xã; Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thị xã.

2. Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại di động

a) Chi phí mua máy điện thoại di động

Áp dụng cho các chức danh tại điểm a, b, c và d, khoản 1 Điều 3 nêu trên, với mức 3.000.000 đồng/máy.

b) Cước phí thanh toán

- Đối với các chức danh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 nêu trên: cước phí thanh toán là 500.000 đồng/máy/tháng.

- Đối với các chức danh được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 nêu trên: cước phí thanh toán là 400.000 đồng/máy/tháng.

- Đối với chức danh được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 nêu trên: cước phí thanh toán là 300.000 đồng/máy/tháng.

- Đối với các chức danh được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 nêu trên: cước phí thanh toán là 250.000 đồng/máy/tháng.

- Đối với các chức danh được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 3 nêu trên: cước phí thanh toán là 200.000 đồng/máy/tháng.

3. Riêng những đối tượng làm nhiệm vụ mang tính chất đặc thù ở một số cơ quan, đơn vị được phép sử dụng kinh phí từ nguồn thu được để lại theo quy định trong việc xử phạt vi phạm hành chính và bán hàng hóa, tang vật tịch thu (như làm nhiệm vụ chống buôn lậu, gian lận thương mại; chống chặt phá rừng, kinh doanh, vận chuyển trái phép lâm sản; phòng chống tội phạm và xử lý vi phạm hành chính ở các lĩnh vực) sẽ do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 4. Đối tượng, tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại cố định tại nhà riêng

1. Về đối tượng sử dụng điện thoại cố định tại nhà riêng

a) Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Phó Bí thư Tỉnh ủy, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Trưởng và Phó các ban Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh, Phó chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Chánh, Phó chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh, Phó chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Cấp Trưởng các cơ quan Đảng thuộc tỉnh ủy và Phó các ban đảng thuộc tỉnh ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và thủ trưởng, phó thủ trưởng 05 tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Giám đốc các Sở và Thủ trưởng các ban, ngành tương đương cấp tỉnh; Phó Giám đốc các sở và phó thủ trưởng các ban, ngành tương đương cấp tỉnh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên;

Bí thư, Phó Bí thư và các Ủy viên Ban Thường vụ huyện, thị ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, thị xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã; Cấp trưởng các Hội đặc thù được quy định theo quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và văn bản quy định bổ sung khác (nếu có); Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan Tỉnh và Đảng ủy Khối doanh nghiệp; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

d) Cấp Trưởng các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên; Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thị xã; Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thị xã.

2. Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại cố định tại nhà riêng

a) Đối với các chức danh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 nêu trên: lắp đặt máy theo hợp đồng với cơ quan bưu điện, chi phí mua máy không quá 300.000 đồng/máy, Cước phí thanh toán là 300.000 đồng/máy/tháng.

b) Đối với các chức danh được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 nêu trên: lắp đặt máy theo hợp đồng với cơ quan bưu điện, chi phí mua máy không quá 300.000 đồng/máy, Cước phí thanh toán là 200.000 đồng/máy/tháng.

c) Đối với các chức danh được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 nêu trên: lắp đặt máy theo hợp đồng với cơ quan bưu điện, chi phí mua máy không quá 300.000 đồng/máy, Cước phí thanh toán là 100.000 đồng/máy/tháng.

d) Đối với các chức danh được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 nêu trên: cước phí thanh toán là 100.000 đồng/máy/tháng.

Điều 5. Một số quy định khác

1. Đối với trường hợp lãnh đạo kiêm nhiệm thêm chức vụ lãnh đạo khác thì chỉ được hưởng tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại của chức danh chính thức. Ngược lại, nếu chức danh chính thức không được hưởng tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại mà chức danh kiêm nhiệm lại được hưởng, thì được hưởng tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại theo chức danh kiêm nhiệm.

2. Đối với điện thoại cố định tại trụ sở làm việc: việc trang bị điện thoại giao Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan đoàn thể và Chủ tịch UBND huyện, thị xã căn cứ tình hình thực tế và khả năng nguồn kinh phí của đơn vị để quyết định cho phù hợp.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Kinh phí sử dụng

Đối với cơ quan Đảng, cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, huyện, thị xã, Tổ chức Chính trị - Xã hội cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp khác thuộc tỉnh và các Hội đặc thù cấp tỉnh: sử dụng từ nguồn dự toán kinh phí khoán đã giao hàng năm (đối với đơn vị đã được giao quyền tự chủ) hoặc từ nguồn kinh phí không khoán đã được giao hàng năm (đối với đơn vị chưa hoặc không giao quyền tự chủ).

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình tổ chức thực hiện các cơ quan, đơn vị khi trang bị và thanh toán cước phí phải triệt để chấp hành Quy định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

() CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Quang

Liêu Quang